

Quang Vinh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách**  
**phường Quang Vinh năm 2022**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 về việc phê chuẩn Quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2023 phường Quang Vinh:

UBND phường thực hiện công khai quyết toán ngân sách phường Quang Vinh năm 2022 như sau:

**1. Quyết toán thu ngân sách năm 2022:**

- Thu NSNN phường Quang Vinh năm 2022 đạt 14.307.725.465đ đồng/14.674.880.754 đồng = 97.5% dự toán.

- Thu NSNN trên địa bàn đạt 6.972.764.401 đồng/6.909.880.754 đồng = 101.9% dự toán.

- Trong đó, một số khoản thu đều đạt tỷ lệ thấp như: Thuế giá trị gia tăng đạt thấp: 59.7%.

**2. Quyết toán chi ngân sách năm 2022:**

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 6.736.736.393 đồng/6.818.146.961 đồng = 98.8% dự toán.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 0 đồng.

**3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân năm 2022:**

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2022 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2022 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ củatháng, của quý vàđề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2022 công tác tài chính - ngân sách của phường Quang Vinh gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng ...

Trong năm 2022, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung năm 2022 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương. *[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND-UBND thành phố;
- Phòng TCKH thành phố;
- Thường trực ĐU, HĐND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG QUANG VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Số: 221/QĐ-UBND

Phường Quang Vinh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai Quyết toán thu chi ngân sách phường Quang Vinh  
năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUANG VINH**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 về việc phê chuẩn Quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2023 phường Quang Vinh:*

*Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán phường Quang Vinh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của phường Quang Vinh với nội dung cụ thể như sau:

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Văn phòng HĐND - UBND, các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /g

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND-UBND thành phố;
- Phòng TCKH thành phố;
- Thường trực ĐU, HĐND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Nam**

## BẢNG CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê duyệt

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	6.972.764.401	Tổng chi	6.736.376.393
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	53.531.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.439.352.647	II. Chi thường xuyên	5.663.067.682
III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang ngân sách xã (nếu có)	1.283.608.530	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (Nếu có)	1.073.308.711
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	5.731.154	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.190.541.070		
- Bổ sung cân đối ngân sách	446.814.000		
- Bổ sung có mục tiêu	743.727.070		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>236.388.008</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Bộ phận tài chính, kế toán xã



Nguyễn Thị Giang

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

TM. UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Nguyễn Văn Nam

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ**

**(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**

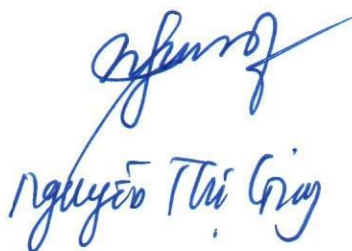
**Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022**

**Đơn vị tính: đồng**

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>14.674.880.754</b>	<b>6.909.880.754</b>	<b>14.307.725.465</b>	<b>6.972.764.401</b>	<b>97,5</b>	<b>100,91</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>53.531.000</b>	<b>53.531.000</b>	<b>76,47</b>	<b>76,47</b>
- Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	41.031.000	41.031.000	74,6	74,6
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	15.000.000	15.000.000	12.500.000	12.500.000	83,33	83,33
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác						
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>12.125.000.000</b>	<b>4.360.000.000</b>	<b>11.774.313.711</b>	<b>4.439.352.647</b>	<b>97,11</b>	<b>101,82</b>
1. Các khoản thu phân chia	6.925.000.000	2.905.000.000	7.300.584.106	3.027.157.603	105,42	104,21
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210.000.000	105.000.000	225.038.276	112.519.266	107,16	107,16
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	190.000.000	190.000.000	140.700.000	140.700.000	74,05	74,05
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	6.525.000.000	2.610.000.000	6.934.845.830	2.773.938.337	106,28	106,28
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	5.200.000.000	1.455.000.000	4.473.729.605	1.412.195.044	86,03	97,06
- Thuế giá trị gia tăng	2.050.000.000	615.000.000	1.225.308.786	367.594.018	59,77	59,77
- Thuế TNDN						
- Thu nhập cá nhân từ đất	2.100.000.000	840.000.000	2.611.502.558	1.044.601.026	124,36	124,36
- Thu nhập cá nhân từ hộ	1.050.000.000		618.839.587		58,94	
- Tiền thuê đất						
- Thu phạt trong lĩnh vực thuế			13.239.964			
- Thu nhập từ HĐ cho thuê TS			4.838.710			
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>	<b>1.283.608.530</b>	<b>1.283.608.530</b>	<b>1.283.608.530</b>	<b>1.283.608.530</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>5.731.154</b>	<b>5.731.154</b>	<b>5.731.154</b>	<b>5.731.154</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>1.190.541.070</b>	<b>1.190.541.070</b>	<b>1.190.541.070</b>	<b>1.190.541.070</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	446.814.000	446.814.000	446.814.000	446.814.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	743.727.070	743.727.070	743.727.070	743.727.070	100	100

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

  
Nguyễn Thị Gray

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

  
  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Nguyễn Văn Nam

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)  
Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi</b>	<b>6.818.146.961</b>		<b>6.818.146.961</b>	<b>6.736.376.393</b>		<b>6.736.376.393</b>	<b>98,8</b>		<b>98,8</b>
I. Chi đầu tư phát triển									
II. Chi thường xuyên	5.744.838.250		5.744.838.250	5.663.067.682		5.663.067.682	98,58		98,58
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	752.222.000		752.222.000	751.451.094		751.451.094	99,9		99,9
- Chi dân quân tự vệ	447.022.000		447.022.000	446.481.344		446.481.344	99,88		99,88
- Chi trật tự an toàn xã hội	305.200.000		305.200.000	304.969.750		304.969.750	99,92		99,92
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	97.500.000		97.500.000	94.250.600		94.250.600	96,67		96,67
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	18.114.000		18.114.000	72,46		72,46
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	46.300.000		46.300.000	46.300.000		46.300.000	100		100
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	46.300.000		46.300.000	46.300.000		46.300.000	100		100
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.226.599.250		4.226.599.250	4.166.879.438		4.166.879.438	98,59		98,59
Trong đó: Quỹ lương				3.338.144.301		3.338.144.301			
10.1 Quản lý nhà nước	2.395.688.822		2.395.688.822	2.348.643.155		2.348.643.155	98,04		98,04
10.2. Hội đồng nhân dân	342.589.128		342.589.128	342.589.126		342.589.126	100		100
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	619.846.000		619.846.000	619.845.797		619.845.797	100		100
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	276.700.413		276.700.413	274.053.922		274.053.922	99,04		99,04
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	139.866.287		139.866.287	138.791.922		138.791.922	99,23		99,23

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	120.400.000		120.400.000	119.176.301		119.176.301	98,98		98,98
10.7. Hội Cựu chiến binh	102.400.600		102.400.600	102.394.625		102.394.625	99,99		99,99
10.8. Hội Nông dân	131.300.000		131.300.000	131.188.190		131.188.190	99,91		99,91
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.542.000		24.542.000	24.541.050		24.541.050	100		100
10.10. Hội Người cao tuổi	8.898.000		8.898.000	8.515.350		8.515.350	95,7		95,7
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	8.864.000		8.864.000	55,08		55,08
10.12. Chi hội đặc thù	48.276.000		48.276.000	48.276.000		48.276.000	100		100
11. Chi cho công tác xã hội	597.217.000		597.217.000	586.072.550		586.072.550	98,13		98,13
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	185.305.000		185.305.000	179.550.650		179.550.650	96,89		96,89
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội, hỗ trợ nhà ở cho người có công với CM	411.912.000		411.912.000	406.521.900		406.521.900	98,69		98,69
- Khác									
12. Chi khác									
13. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	1.073.308.711		1.073.308.711	1.073.308.711		1.073.308.711	100		100

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

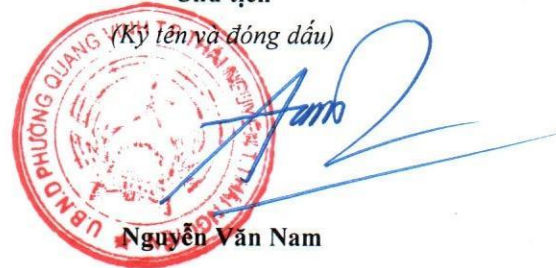
Bộ phận tài chính, kế toán xã



Nguyễn Thị Giang

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Nam



**QUYẾT TOÁN CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022**

(Đã được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

Biểu số 119/CKTC-NSNN

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp	Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối NS	Giá trị đã thanh toán năm	
									Chia theo nguồn vốn	Trong đó
	<b>TỔNG SỐ</b>		11 764 847 000	254 385 000	3 733 833 000	11 107 242 000	7 373 409 000	3 733 833 000		
I	Công trình chuyển tiếp năm trước		11 308 314 000	254 385 000	3 683 833 000	11 057 242 000	7 373 409 000	3 683 833 000		
1	Dường từ trụ sở phường Quang Vinh đến Cầu sắt	2020-2022	8259 277 000		3 059 277 000	8 259 277 000	5 200 000 000	3 059 277 000		
2	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Điện Lực	2020-2021	1684 802 000		584 602 000	1 684 602 000	1 100 000 000	584 602 000		
3	Xử lý ngập úng trường THCS Quang Vinh	2016	516 284 000		32 954 000	496 863 000	463 909 000	32 954 000		
4	Cải tạo nâng cấp đường bê tông xi măng tô 4, phường Quang Vinh	2019	847 951 000	254 385 000	7 000 000	616 500 000	609 500 000	7 000 000		
II	<b>Công trình XD mới năm 2022</b>		<b>456 533 000</b>		<b>50 000 000</b>	<b>50 000 000</b>	<b>50 000 000</b>	<b>50 000 000</b>		
1	Nâng cấp, cải tạo đường bê tông xi măng tô 3-phường Quang Vinh	2022	456 533 000		50 000 000	50 000 000		50 000 000		

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nam



THỰC HIỆN THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC  
NĂM 2022

(Đã được HĐND phê chuẩn)

NỘI DUNG	Số dư năm trước chuyển sang	THỰC HIỆN		
		Thu	Chi	Dư cuối kỳ
A	4	5	6	7
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>102.951.637</b>	<b>133.420.000</b>	<b>152.866.500</b>	<b>83.505.137</b>
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>	<b>102.951.637</b>	<b>133.420.000</b>	<b>152.866.500</b>	<b>83.505.137</b>
+ Quỹ Người cao tuổi	17.049.500	16.990.000	9.370.000	24.669.500
+ Quỹ Khuyến học	9.643.900	8.640.000	9.530.000	8.753.900
+ Quỹ Bảo trợ trẻ em	5.668.000	17.195.000	19.336.500	3.526.500
+ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	38.703.000	34.080.000	64.200.000	8.583.000
+ Quỹ Da cam	7.820.000	8.640.000	9.200.000	7.260.000
+ Quỹ Xã hội từ thiện	2.245.062	9.605.000	9.750.000	2.100.062
+ Quỹ Vì người nghèo	15.125.175	17.490.000	10.700.000	21.915.175
+ Quỹ Phòng chống Thiên tai		20.780.000	20.780.000	
+ Quỹ phòng chống tệ nạn xã hội	6.697.000			6.697.000

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nam